



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02351/2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NT01: Nước thải sinh hoạt sau xử lý
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A, K=1,2) Standard
					NT01	
1.	pH*	TCVN 6492:2011	-	-	8,2	-
2.	Nhiệt độ*	SMEWW 2550B:2017	°C	-	29,03	-
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	NG.QT.N.01 ^(a)	mg/L	-	279	600
4.	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	mg/L Pt	5,0	34	-
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	5,0	<15**	-
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1,0	3,1	-
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	<15**	-
8.	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0005	0,0084	-
9.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	0,46	-
10.	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	0,3	<0,9**	-



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A, K=1,2) Standard
					NT01	
11.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2017	mg/L	0,03	0,34	36,0
12.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,01	0,89	7,2
13.	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	2	210	-
14.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,02	0,07	6,0

Ghi chú – Remark:

- QCVN 14:2008 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);
- NT01: NG.WW.110624.05;
- (-): Không quy định;
- (a): Phương pháp nội bộ;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02619/2024/PKQ (TĐTS/24.1059)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày quan trắc – Monitoring date:	01/07/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 01/07/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 03/07/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A, K=1,2) Standard
					NT01	
1.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	KPH	6,0

Ghi chú – Remark:

- QCVN 14:2008 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);
- NT01: NG.WW.010724.04906;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2024



Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.:02352/2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SON
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải NT02: Nước thải công nghiệp sau xử lý
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 40:2011 /BTNMT (Cột A Kq=1,1 và Kf=1,1) Standard
					NT02	
1.	pH*	TCVN 6492:2011	-	-	7,65	5,5 đến 9
2.	Nhiệt độ*	SMEWW 2550B:2017	°C	-	28,27	40
3.	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)*	NG.QT.N.01 ^(a)	mg/L	-	69	-
4.	Độ màu	TCVN 6185:2015 (phương pháp C)	mg/L Pt	5,0	<15**	150
5.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	5,0	<15**	90,75
6.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD5)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1,0	3,0	36,3
7.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	<15**	60,5
8.	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0005	KPH	0,0605
9.	Amoni (NH ₄ ⁺ tính theo N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	0,67	6,05
10.	Tổng dầu, mỡ khoáng	SMEWW 5520B&F:2017	mg/L	0,3	<0,9**	6,05



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 40:2011 /BTNMT (Cột A Kq=1,1 và Kf=1,1) Standard
					NT02	
11.	Nitrat (NO_3^- tính theo N)	SMEWW 4500- NO_3^- .E:2017	mg/L	0,03	<0,09**	-
12.	Photphat (PO_4^{3-} tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,01	KPH	-
13.	Tổng Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/100mL	2	230	3000
14.	Tổng các chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1:2009	mg/L	0,02	0,15	

Ghi chú – Remark:

- QCVN 40:2011/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;

Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);

- NT02: NG.WW.110624.06;

- (-): Không quy định;

- (a): Phương pháp nội bộ;

- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;

- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;

- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;

- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02620/2024/PKQ (TĐTS/24.1059)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Tòa nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Mẫu do khách hàng gửi đến
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải
Ngày quan trắc – Monitoring date:	01/07/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 01/07/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 03/07/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 40:2011 /BTNMT (Cột A Kq=1,1 và Kf=1,1) Standard
					NT02	
1.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	0,14	1,21

Ghi chú – Remark:

- QCVN 40:2011/BTNMT: quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);
- NT02: NG.WW.010724.04907;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 03 tháng 07 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC


Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by


Vũ Thị Thanh Nga



Giám đốc
Director


GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02353/2024/PKQ (TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SON
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước mặt NM01: Nước mặt tiếp nhận nước thải công nghiệp
Ngày quan trắc - Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					NM01	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
1.	pH*	TCVN 6492:2011	-	-	7,8	-	6,0 – 8,5
2.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)*	TCVN 7325:2016	mg/L	-	5,46	-	≥ 5,0
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1,0	3,0	-	≤ 6
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	2,0	6,4	-	≤ 15
5.	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)	TCVN 6634:2000	mg/L	0,3	13,2	-	≤ 6
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	255,5	-	≤ 100
7.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	2	3.500	-	≤ 5.000
8.	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)	TCVN 6178:1996	mg/L	0,005	<0,015**	0,05	-
9.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,03	0,31	-	-
10.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,005	0,023	-	-
11.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	0,14	0,3	-
12.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	3,0	KPH	250	-
13.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017	mg/L	0,02	0,36	1	-



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					NM01	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
14.	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	0,001	KPH	0,01	-
15.	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0005	<0,0015**	0,01	-
16.	Cadimi (Cd)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,0001	KPH	0,005	-
17.	Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,002	KPH	0,02	-
18.	Crom (VI)	SMEWW 3500-Cr.B:2017	mg/L	0,003	KPH	0,01	-
19.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,0005	0,0028	0,05	-
20.	Đồng (Cu)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	<0,09**	0,1	-
21.	Kẽm (Zn)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	KPH	0,5	-
22.	Niken (Ni)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	KPH	0,1	-
23.	Mangan (Mn)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	0,08	0,1	-
24.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	0,0003	KPH	0,001	-
25.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	0,95	0,5	-
26.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2017	mg/L	0,3	<0,9**	5,0	-
27.	E.coli	SMEWW 9221F:2017	MPN/ 100mL	2	150	20	-
28.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1-2009	mg/L	0,02	0,41	-	-

Ghi chú – Remark:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- NM01: NG.SW.110624.01;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: 02354/2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SON
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước mặt NM02: Nước mặt tiếp nhận nước thải sinh hoạt
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					NM02	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
1.	pH*	TCVN 6492:2011	-	-	7,77	-	6,0 – 8,5
2.	Hàm lượng oxy hòa tan (DO)*	TCVN 7325:2016	mg/L	-	5,47	-	≥ 5,0
3.	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD ₅)	TCVN 6001-1:2008	mg/L	1,0	<3**	-	≤ 6
4.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	2,0	<6**	-	≤ 15
5.	Tổng cacbon hữu cơ (TOC)	TCVN 6634:2000	mg/L	0,3	15,9	-	≤ 6
6.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	206	-	≤ 100
7.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	2	2.800	-	≤ 5.000
8.	Nitrit (NO ₂ ⁻ _N)	TCVN 6178:1996	mg/L	0,005	<0,015**	0,05	-
9.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	TCVN 6180:1996	mg/L	0,03	0,2	-	-
10.	Photphat (PO ₄ ³⁻ tính theo P)	TCVN 6202:2008	mg/L	0,005	0,018	-	-
11.	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	TCVN 6179-1:1996	mg/L	0,01	0,11	0,3	-
12.	Clorua (Cl ⁻)	TCVN 6194:1996	mg/L	3,0	KPH	250	-
13.	Florua (F ⁻)	SMEWW 4500-F ⁻ .B&D:2017	mg/L	0,02	0,32	1	-



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P. Dương Nội, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					NM02	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
14.	Xyanua (CN ⁻)	TCVN 6181:1996	mg/L	0,001	KPH	0,01	-
15.	Asen (As)	SMEWW 3113B:2017	mg/L	0,0005	KPH	0,01	-
16.	Cadimi (Cd)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,0001	<0,0003**	0,005	-
17.	Chì (Pb)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,002	<0,006**	0,02	-
18.	Crom (VI)	SMEWW 3500- Cr.B:2017	mg/L	0,003	KPH	0,01	-
19.	Tổng Crom (Cr)	SMEWW3113B:2017	mg/L	0,0005	0,0037	0,05	-
20.	Đồng (Cu)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	<0,09**	0,1	-
21.	Kẽm (Zn)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	KPH	0,5	-
22.	Niken (Ni)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	KPH	0,1	-
23.	Mangan (Mn)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,02	0,11	0,1	-
24.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	0,0003	KPH	0,001	-
25.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	1,39	0,5	-
26.	Tổng dầu, mỡ	SMEWW 5520B:2017	mg/L	0,3	<0,9**	5,0	-
27.	E.coli	SMEWW 9221F:2017	MPN/ 100mL	2	210	20	-
28.	Chất hoạt động bề mặt	TCVN 6622-1-2009	mg/L	0,02	0,33	-	-

Ghi chú – Remark:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- NM02: NG.SW.110624.02;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đo nhanh tại hiện trường;
- (**): Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn định lượng LOQ của phương pháp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga

Giám đốc
Director

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội
Web: www.nguyengiaentech.com Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com
Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM
Testing Results

Số/No.: /2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải MTHT-NT01: Mẫu trắng hiện trường
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A, K=1,2) Standard
					MTHT-NT01	
1.	Nhu cầu ôxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	5,0	KPH	-
2.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	KPH	-
3.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	mg/L	0,03	KPH	36,0

Ghi chú – Remark:

- QCVN 14:2008 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);
- MTHT-NT01: NG.WW.110624.07;
- KPH: Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT&PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hưng



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.: /2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước thải MLHT-NT01: Mẫu lập hiện trường
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 14:2008 /BTNMT (Cột A, K=1,2) Standard
					MLHT-NT01	
1.	Nhu cầu oxy hóa học (COD)	SMEWW 5220C:2017	mg/L	5,0	16	-
2.	Sắt (Fe)	SMEWW3111B:2017	mg/L	0,03	0,43	-
3.	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	mg/L	0,03	0,37	36,0

Ghi chú – Remark:

- QCVN 14:2008 /BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;
Căn cứ vào giấy phép xả nước thải vào nguồn nước của Thủy điện Trung Sơn được UBND tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 23/11/2016 (số 427/GP-UBND);
- MLHT-NT01: NG.WW.110624.08;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT&PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Nguyễn Thị Đào

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Vũ Thị Thanh Nga



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.:/2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước mặt MTHT-NM01: Mẫu trắng hiện trường
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					MTHT-NM01	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	KPH	-	≤ 100
2.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	2	KPH	-	≤ 5.000
3.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	0,0003	KPH	0,001	-

Ghi chú – Remark:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- MTHT-NM01: NG.SW.110624.03;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT&PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương



CÔNG TY TNHH TƯ VẤN KỸ THUẬT, THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG NGUYỄN GIA

Địa chỉ: Ô 02, Lô D47, Khu D KĐT Lê Trọng Tấn, P.Đương Nội, Q.Hà Đông, TP.Hà Nội

Web: www.nguyengiaentech.com

Email: labnguyengia.vimcerts251@gmail.com

Hotline: 0338572255

VIMCERTS_251

KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM

Testing Results

Số/No.:/2024/PKQ(TĐTS/24.827)

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG – Client Information

Khách hàng - Client	: CÔNG TY TNHH MTV THỦY ĐIỆN TRUNG SƠN
Địa chỉ - Address	: Toà nhà N07-B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Địa điểm lấy mẫu- Sampling site:	Thủy điện Trung Sơn – xã Trung Sơn, huyện Quan Hoá, tỉnh Thanh Hoá
Loại mẫu - Type of Sample:	Nước mặt MLHT-NM01: Mẫu lập hiện trường
Ngày quan trắc – Monitoring date:	11/06/2024
Ngày nhận mẫu - Sample receiving date:	11/06/2024

II. KẾT QUẢ THÍ NGHIỆM - Testing results

Ngày thí nghiệm - Testing date: 11/06/2024

Ngày trả kết quả - Results date: 27/06/2024

TT No.	Thông số Parameters	Phương pháp thử Testing method	Đơn vị Unit	Giới hạn phát hiện (MDL)	Kết quả Result	QCVN 08:2023/ BTNMT Standard	
					MLHT-NM01	Bảng 1	Bảng 2- Mức B
1.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	TCVN 6625:2000	mg/L	5,0	249,9	-	≤ 100
2.	Coliform	SMEWW 9221B:2017	MPN/ 100mL	2	4.300	-	≤ 5.000
3.	Thủy ngân (Hg)	SMEWW3112B:2017	mg/L	0,0003	KPH	0,001	-

Ghi chú – Remark:

- QCVN 08:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
- MLHT-NM01: NG.SW.110624.04;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện (MDL) của phương pháp;
- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm của Khách hàng đưa đến hoặc mẫu do PQT & PTMT lấy về;
- Quá thời hạn lưu mẫu 5 ngày kể từ ngày trả kết quả, PQT & PPT không giải quyết việc khiếu nại.

Quản lý chất lượng
QA/QC

Trưởng phòng thí nghiệm
Supervised by

Hà Nội, ngày 27 tháng 06 năm 2024

Giám đốc
Director

Nguyễn Thị Đào

Vũ Thị Thanh Nga

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Hương